|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ\_\_\_\_** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** |
| Số: /2018/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2018* |

|  |
| --- |
| **Dự thảo 1** |

**NGHỊ ĐỊNH**

QUY ĐỊNH CHI TIẾT LUẬT QUẢN LÝ NGOẠI THƯƠNG VỀ XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI PHÁT TRIỂN NGOẠI THƯƠNG

*Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương ngày 12 tháng 6 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Chương 1**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, tổ chức xúc tiến thương mại trong nước (thuộc Chính phủ và không thuộc Chính phủ).

2.Các tổ chức xúc tiến thương mại của Việt Nam tại nước ngoài (thuộc Chính phủ và không thuộc Chính phủ);

3.Các tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam.

4.Đại diện thương mại của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại nước ngoài.

5. Các tổ chức, doanh nghiệp tham gia, thực hiện các hoạt động ngoại thương, xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương.

**Chương 2**

**CÁC HOẠT ĐỘNG XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI**

**PHÁT TRIỂN NGOẠI THƯƠNG**

**Mục 1**

**Nội dung hoạt độngxúc tiến thương mại phát triển ngoại thương**

 **Điều 3. Xúc tiến thương mại phát triển thị trường**

1. Kết nối giao thương, tham gia hệ thống phân phối ở trong nước và nước ngoài

1. Tổ chức hoặc tổ chức tham gia hội nghị, hội chợ, triển lãm, các sự kiện xúc tiến thương mại tại nước ngoài cho tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam;

b) Xây dựng hệ thống phân phối và khu vực trưng bày, giới thiệu hàng hóa xuất khẩu trong nước và nước ngoài;

c) Tổ chức đoàn khảo sát thị trường, giao dịch với tổ chức, doanh nghiệp ở nước ngoài;

d) Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam tham gia các hội nghị, hội chợ, triển lãm tại Việt Nam, khảo sát thị trường và giao dịch với doanh nghiệp Việt Nam;

e) Tổ chức hội nghị, hội chợ, triển lãm, giao dịch, sự kiện xúc tiến thương mại trong nướcphục vụ xuất khẩu, nhập khẩu;

g) Tổ chức các hoạt động giao thương, kết nối thông qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, cổng thông tin điện tử, mạng internet, mạng viễn thông;

h) Các hoạt động kết nối giao thương, tham gia hệ thống phân phối khác.

1. Tổ chức nghiên cứu thị trường

a) Xây dựng và phát hành thông tin, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

b) Tổ chức và tham gia các chương trình khảo sát, tìm hiểu thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

c) Cung cấp, tư vấn thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

d) Các hoạt động nghiên cứu thị trường khác.

3. Tổ chức thông tin, truyền thông phát triển thị trường xuất khẩu, nhập khẩu ở trong nước và nước ngoài.

4. Các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển thị trường khác.

**Điều 4.Xúc tiến thương mại phát triển sản phẩm**

1. Cung cấp thông tin, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủcác quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của tổ chức nhập khẩu, các cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu.
2. Tổ chức thông tin, truyền thông về sản phẩm xuất khẩu ở trong nước và nước ngoài.
3. Nghiên cứu, phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm

a) Hội nghị, hội thảo, tọa đàm, diễn đàn trong nước và nước ngoài cung cấp thông tin về thực trạng, xu hướng thiết kế trong nước và trên thế giới, các chủ đề liên quan tới thiết kế sản phẩm, thiết kế bao bì, thiết kế thương hiệu;

b)Đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm cho các doanh nghiệp và các nhà thiết kế;

c)Tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế và phát triển sản phẩm;

d)Tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp với các nhà thiết kế, giữa các nhà thiết kế trong nước và nước ngoài;

đ)Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thiết kế;

e)Các hoạt động nghiên cứu, phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm khác.

4. Các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển sản phẩm khác.

**Điều 5. Đào tạo, nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trường**

1. Tổ chức các sự kiện, hoạt động tư vấn, đào tạo, phổ biến kiến thức(trực tiếp hoặc trực tuyến) trong nước và nước ngoài nâng cao kỹ năng:
2. Tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin thương mại, khảo sát và nghiên cứu thị trường, ngành hàng xuất khẩu;
3. Xây dựng và triển khai chiến lược marketing xuất khẩu, nhập khẩu;
4. Xây dựng và quảng bá thương hiệu cho các ngành hàng xuất khẩu tiềm năng và nâng cao năng lực xây dựng và quảng bá nhãn hiệu sản phẩm;
5. Tổ chức và tham gia các chương trình xúc tiến bán hàng, hội nghị, hội chợ, triển lãm, giao dịch;

đ) Tổ chức và tham gia các hoạt động giao thương, kết nối thông qua các sàn giao dịch thương mại điện tử, cổng thông tin điện tử, mạng internet, mạng viễn thông;

1. Kỹ năng khác liên quan đến kết nối giao thương, tham gia hệ thống phân phối, xuất nhập khẩu, xúc tiến thương mại.
2. Xây dựng và phát hành các ấn phẩm, tài liệu về xúc tiến thương mại.
3. Các hoạt động nâng cao năng lực xúc tiến thương mại, phát triển thị trườngkhác.

**Điều 6. Hỗ trợ phát triển, vận hành hạ tầng thương mại, logistics phục vụ hoạt động ngoại thương**

1. Hỗ trợ xây dựng, vận hành hạ tầng thương mại, logistic phục vụ hoạt động ngoại thương gồm:

a) Xây dựng, vận hành các trung tâm hội chợ, triển lãm, hạ tầng xúc tiến thương mại;

b) Xây dựng, vận hành các trung tâm logistic;

c) Xây dựng, vận hành các kho ngoại quan, điểm thu gom hàng lẻ (CFS).

2. Các hoạt động xúc tiến thương mại hỗ trợ logistic phục vụ hoạt động ngoại thương

a)Tổ chức, tham gia hội nghị, hội chợ, triển lãm quốc tế về logistics.

b) Mời đoàn doanh nghiệp vào Việt Nam trao đổi về cơ hội đầu tư, hợp tác về phát triển dịch vụ logistics.

c) Nâng cao lưu lượng hàng hóa từ các nước vận chuyển qua Việt Nam đi các nước và ngược lại.

d) Tổ chức diễn đàn Logistics Việt Nam.

đ) Tổ chức Hội chợ triển lãm quốc tế về Logistics tại Việt Nam.

e) Các hoạt động xúc tiến thương mại hỗ trợ Logistics khác.

**Điều 8. Các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương khác**

Các hoạt động xúc tiến thương mại khác do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định phù hợp với thực tiễn phát triển của thị trường, nhu cầu, năng lực của doanh nghiệp, tổ chức trong việc triển khai hoạt động xúc tiến thương mại.

**Mục 2**

**Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại**

**Điều9. Nguyên tắc, quy định chung đối với Chương trìnhcấp quốc gia về xúc tiến thương mại**

1. Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại bao gồm các hoạt động xúc tiến thương mại cho sản phẩm, ngành hàngcó tiềm năng xuất khẩu của vùng kinh tế, của quốc gia và các hoạt động xúc tiến thương mại liên kết giữa các ngành hàng, giữa các địa phương, được thực hiện thông qua các đề án xúc tiến thương mại do các đơn vị chủ trì thực hiện.

2. Đề án xúc tiến thương mại trong Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại do đơn vị chủ trì xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển xuất khẩu, nhập khẩu, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội theo từng thời kỳ đã được Chính phủ phê duyệt, nhằm:

a) Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại phát triển sản phẩm, phát triển thị trường xuất khẩu, thực hiện nhập khẩu hiệu quả, phục vụ phát triển sản xuất bền vững;

b) Nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp.

c) Ứng phó kịp thời với những phản ứng/biến đổi của thì trường xuất khẩu, nhập khẩu.

3. Các đơn vị chủ trì thực hiện chương trình gồm:

* + 1. Các tổ chức xúc tiến thương mại Chính phủ (gồm các cơ quan xúc tiến thương mại thuộc các bộ, ngành và các cơ quan đầu mối về xúc tiến thương mại của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương);
		2. Các tổ chức xúc tiến thương mại phi Chính phủ (bao gồm cáchiệp hội ngành hàng, hiệp hội doanh nghiệp)
		3. Các tổ chức xúc tiến thương mại khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

4. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện:

a) Có tư cách pháp nhân;

b) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của doanh nghiệp;

c) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại;

* + 1. Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình.

5. Đơn vị tham gia và hưởng lợi từ Chương trình là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các hợp tác xã, các tổ chức xúc tiến thương mại Việt Nam được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành. Đơn vị tham gia được hỗ trợ từ Chương trình, thực hiệntheo các quy định của Nghị định này vàcó trách nhiệm trong việc thực hiện hiệu quả các đề án xúc tiến thương mại mà đơn vị tham gia.

6. Kinh phí thực hiện Chương trìnhđược hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước cấp hàng năm;

b) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình;

c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

7. Nguyên tắc và mức hỗ trợ kinh phí đối với các đề án xúc tiến thương mại trong Chương trình

a) Nguyên tắc hỗ trợ:

i. Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện Chương trình;

ii. Kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương; kinh phí đượcgiao chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch được bổ sung để sử dụng trong năm tiếp theo;

iii. Các đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ từ Nhà nước để thực hiện các đề án xúc tiến thương mại trong khuôn khổ Chương trình và có trách nhiệm thanh, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành;

iv. Hỗ trợ đơn vị tham gia thông qua Đơn vị chủ trì thực hiện chương trình;

v. Các đơn vị chủ trì, đơn vị tham gia và hưởng lợi trực tiếp từ Chương trình có trách nhiệm huy động, đóng góp phần kinh phí ngoài phần kinh phí đã được Nhà nước hỗ trợ để triển khai chương trình.

b)Mức hỗ trợ: Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện cho các nội dung được hỗ trợ trong các đề án xúc tiến thương mại.

8. Quy mô các đề án xúc tiến thương mại; nội dung được hỗ trợ trong các đề án xúc tiến thương mại; việc xây dựng, thực hiện và quản lý Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

**Điều 10. Nội dung Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại**

1. Xúc tiến thương mại phát triển xuất khẩu

a) Kết nối giao thương, tham gia hệ thống phân phối ở trong nước và nước ngoài:

i. Tổ chức,tham gia hội chợ, triển lãm tại nước ngoài;

ii. Xây dựng khu vực trưng bày, giới thiệu hàng hóa xuất khẩu trong nước và nước ngoài;

iii. Tổ chức đoàn doanh nghiệp Việt Nam khảo sát thị trường, giao dịch với doanh nghiệp ở nước ngoài;

iv. Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam khảo sát thị trường và giao dịch với doanh nghiệp Việt Nam;

v. Tổ chức hội nghị quốc tế tại Việt Nam về ngành hàng xuất khẩu;

vi. Tổ chức hội chợ, triển lãm quốc tế tại Việt Nam.

b) Tổ chức nghiên cứu thị trường

i.Mua thông tin, tư liệu, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

ii. Cung cấp thông tin,thuê tư vấn thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

iii. Các hoạt động nghiên cứu thị trường khác.

c) Cung cấp thông tin, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận, áp dụng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn, điều kiện của tổ chức nhập khẩu, các cam kết quốc tế về sản phẩm xuất khẩu, nhập khẩu;

d) Nghiên cứu phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm

i. Hội nghị, hội thảo, diễn đàntrong nước và nước ngoài cung cấp thông tin về thực trạng, xu hướng thiết kế trong nước và trên thế giới, các chủ đề liên quan tới thiết kế sản phẩm, thiết kế bao bì, thiết kế thương hiệu;

ii. Đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức nâng cao năng lực thiết kế, phát triển sản phẩm cho các doanh nghiệp và các nhà thiết kế;

iii. Tư vấn, hỗ trợ thực hiện thiết kế và phát triển sản phẩm;

iv. Tổ chức hội nghị kết nối giữa doanh nghiệp với các nhà thiết kế, giữa các nhà thiết kế trong nước và nước ngoài;

đ)Các hoạt động tư vấn, đào tạo, phổ biến kiến thức (trực tiếp hoặc trực tuyến) nâng cao năng lực xúc tiến thương mại;

e)Biên soạn, sản xuất và phát hành các ấn phẩm, tài liệu về kỹ năng xúc tiến thương mại;

g) Tổ chức tuyên truyền, quảng bá các sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu, chỉ dẫn địa lý trên các phương tiện truyền thông trong nước và nước ngoài;

h) Thuê cơ quan truyền thông xây dựng, sản xuất, phát hành nội dung tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện truyền thông trong nước và nước ngoài;

i) Các hoạt động xúc tiến thương mại khác theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

2. Xúc tiến thương mại hỗ trợ nhập khẩu phục vụ sản xuất trong nước, phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, nhập khẩu các sản phẩm trong nước không có lợi thế cạnh tranh

a) Kết nối giao thương, tham gia hệ thống phân phối

i*.* Tổ chức triển lãm các sản phẩm, nguyên liệu, thiết bị nhập khẩu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, sản phẩm công nghệ, nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh mà trong nước sản xuất;

ii. Tổ chức đoàn doanh nghiệp Việt Nam khảo sát thị trường, giao dịch với doanh nghiệp ở nước ngoài;

iii. Tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam khảo sát thị trường và giao dịch với doanh nghiệp Việt Nam;

b) Tổ chức nghiên cứu thị trường

i. Mua thông tin, tư liệu, cơ sở dữ liệu về sản phẩm, ngành hàng, thị trường;

ii. Cung cấp thông tin, thuê tư vấn thông tin về sản phẩm, ngành hàng, thị trường.

3. Các hoạt độngcấp quốc gia về xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương khác

Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hànhvà thực hiện các hoạt động cấp quốc gia khác về xúc tiến thương mại phát triển ngoại thương phù hợp với thực tiễn phát triển của thị trường, nhu cầu, năng lực của doanh nghiệp, tổ chức trong việc triển khai hoạt động xúc tiến thương mại từng thời kỳ.

**Mục 3**

**Chương trình xúc tiến thương mại cấp địa phương về phát triển thị trường**

**Điều 11. Nguyên tắc, quy định chung đối với chương trình xúc tiến thương mại cấp địa phương về phát triển thị trường**

Chương trình xúc tiến thương mại cấp tỉnh, thành phố bao gồm các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm quảng bá, xúc tiến thương mại, hỗ trợ phát triển thị trường xuất khẩu, nhập khẩu cho một hoặc nhiều ngành hàng, sản phẩm có thế mạnh của tỉnh, thành phố, hoạt động xúc tiến thương mại phục cộng đồng doanh nghiệp của địa phương và các địa phương khác.

**Điều 12. Xây dựng, thực hiện chương trình cấp địa phương về phát triển thị trường**

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng nội dung xúc tiến thương mại và mức hỗ trợ kinh phí phù hợp với thực tế của địa phương và các quy định của luật pháp hiện hành về xúc tiến thương mại để làm căn cứ cho các tổ chức xúc tiến thương mại của địa phương tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại phát triển thị trường.

2. Nguồn kinh phí cho hoạt động xúc tiến thương mại của các địa phương được thực hiện trực tiếp từ nguồn ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác của địa phương.

**Chương 3**

**PHÁT TRIỂN NGOẠI THƯƠNG THÔNG QUA XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU**

**Mục 1**

**Chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu**

**Điều 13. Nguyên tắc, quy định chung đối với chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu**

1. Chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu là các hoạt động xúc tiến thương mại dài hạn nhằm mục tiêu phát triển ngoại thương thông qua việc hỗ trợ xây dựng, phát triển, quảng bá và bảo vệ thương hiệu của sản phẩm, doanh nghiệp và ngành hàng do Nhà nước thực hiện trên phạm vi toàn quốc và tại nước ngoài.

2. Chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu được giao cho các Bộ, ngành chủ trì thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Kinh phí thực hiện các chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu được hình thành từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước cấp hàng năm;

b) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình;

c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị chủ trì; kinh phí đượcgiao chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch được bổ sung để sử dụng trong năm tiếp theo.

5. Biểu trưng và các hình thức thể hiện khác của biểu trưng trong khuôn khổ các chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu là tài sản của quốc gia và được bảo vệ theo luật pháp Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

**Điều 14. Các chương trình cấp quốc gia về xây dựng, phát triển thương hiệu**

1. Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam.

2. Chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu ngành hàng Việt Nam.

3. Các chương trình, hoạt động khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành.

**Điều 15. Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam**

1. Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam là hoạt động xúc tiến thương mại dài hạn do Bộ Công Thương chủ trì thực hiện nhằm xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu sản phẩm và doanh nghiệp, qua đó quảng bá hình ảnh quốc gia và góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và quốc gia trong tiến trình hội nhập quốc tế.

2. Nhà nước thực hiện vai trò chứng nhận danh hiệu Thương hiệu quốc gia đối với các sản phẩm và doanh ngiệp thông qua việc xét chọn sản phẩm, doanh nghiệpđáp ứng hệ thống tiêu chí của Chương trình.

3. Nội dung Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam bao gồm:

a) Khảo sát, nghiên cứu, xây dựng mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển thương hiệu quốc gia theo từng thời kỳ;

b) Hỗ trợ, nâng cao năng lực cho tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu;

c) Truyền thông, quảng bá Thương hiệu quốc gia Việt Nam và các thương hiệu sản phẩm, doanh nghiệp trong khuôn khổ Chương trình ở trong nước và nước ngoài;

d) Các hoạt động kết nối giao thương ở trong nước và nước ngoài;

đ) Các hoạt động khác.

4. Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam được thực hiện theo Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành trên cơ sở đề xuất của Bộ Công Thương.

**Điều 16. Chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu ngành hàng Việt Nam**

1. Chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu ngành hàng Việt Nam là hoạt động xúc tiến thương mại dài hạn nhằm mục đích phát triển ngoại thương thông qua xây dựng và quảng bá thương hiệu ở cấp quốc gia cho các ngành hàng theo định hướng xuất khẩu của Chính phủ phù hợp với tình hình thực tế và chiến lược, kế hoạch phát triển xuất khẩu từng thời kỳ.

2. Nhà nước thực hiện vai trò chứng nhận danh hiệu Thương hiệu ngành hàng đối với các sản phẩm và doanh nghiệp thông qua việc xét chọn sản phẩm, doanh nghiệp đáp ứng hệ thống tiêu chí của Chương trình.

3. Nội dungcác chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu ngành hàng bao gồm:

a) Khảo sát, nghiên cứu, xây dựng mục tiêu, chiến lược và kế hoạch phát triển thương hiệu các ngành hàng;

b) Hỗ trợ, nâng cao năng lực cho các hiệp hội và doanh nghiệp thành viên trong việc xây dựng, quản trị và bảo vệ thương hiệu ngành hàng;

c)Truyền thông,quảng bá thương hiệu ngành hàng ở trong nước và nước ngoài;

d) Các hoạt động kết nối giao thương ở trong nước và nước ngoài;

đ) Các hoạt động khác.

4. Các chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu ngành hàng Việt Nam được thực hiện theo Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện do Thủ tướng Chính phủ quyết định ban hành trên cơ sở đề xuất của cơ quan chủ trì.

5. Trong quá trình xây dựng các chiến lược, đề án phát triển thương hiệu ngành hàng, cơ quan chủ trì phải xét đến tác động và lợi ích tích cực của việc phát triển thương hiệu ngành hàng đối với các khu vực, địa phương có liên quan; ưu tiên hỗ trợ các địa phương, tổ chức, hiệp hội ngành hàng có nhãn hiệu tập thể và chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong nước và nước ngoài.

6. Cơ quan chủ trì phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và thực hiện lồng ghép các chương trình xây dựng, phát triển thương hiệu ngành hàng với các nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý tại các khu vực, địa phương nhằm hỗ trợ các hoạt động xây dựng, phát triển nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý ở cấp địa phương.

**Mục 2**

**Chương trình cấp địa phương về xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm**

**Điều 17. Nguyên tắc chung đối với các chương trình cấp địa phương về xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm**

1. Chương trình cấp địa phương về xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm là các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm xây dựng và quảng bá thương hiệu cho sản phẩm và doanh nghiệp của địa phương, do chính quyền địa phương cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện bằng nguồn lực của địa phương thông qua các hoạt động xây dựng, phát triển nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý và các hoạt động khác.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương quyết định ban hành các chương trình xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm của địa phương, tiêu chí, tiêu chuẩn thực hiện và sử dụng các nguồn lực tại chỗ để tổ chức thực hiện.

3. Các Bộ, ngành, hiệp hội ngành hàng liên quan có trách nhiệm phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trong việc xây dựng nội dung và triển khai thực hiện các chương trình cấp địa phương vềxây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm.

4. Việc quản lý, sử dụng nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.

**Điều 18. Nội dung chương trình cấp địa phươngvề xây dựng, quảng bá thương hiệu sản phẩm**

1. Nâng cao năng lực cho các tổ chức, doanh nghiệp của địa phương trong việc xây dựng, quản trị và bảo vệ nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý.

2.Truyền thông, quảng bá sản phẩm mang nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý.

3.Kết nối giao thương ở trong nước và nước ngoài.

4. Các hoạt động khác.

 **Chương 4**

**HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM TẠI NƯỚC NGOÀI**

**Điều 19. Nguyên tắc hoạt động**

1.Các tổ chứcxúc tiến thương mại của Việt Nam khithành lập và hoạt động xúc tiến thương mại tại nước ngoài(dưới hình thức trung tâm, văn phòng hoặc các loại hình khác tương tự) phải tuân thủ theo pháp luật của Việt Nam và pháp luật nước sở tại.

2.Việc thành lập hoặc giải thể các tổ chức xúc tiến thương mại của Việt Nam do Chính phủ thành lập ở nước ngoài do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề xuất của Bộ Công Thương.

3. Các tổ chức xúc tiến thương mại của Việt Nam tại nước ngoài không do Chính phủ thành lậpkhông được sử dụng danh nghĩa nhà nước Việt Nam trong quá trình thành lập, hoạt động.

**Điều 20.Nội dung hoạt động của các tổ chức xúc tiến thương mại Việt Nam tại nước ngoài nhằm phát triển ngoại thương**

1.Các tổ chức xúc tiến thương mại do Chính phủ thành lập:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ quan đại diện thương mại và các bộ phận liên quan thuộc các thuộc Cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại nước ngoài triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại;

b) Quảng bá hình ảnh quốc gia và thương hiệu sản phẩm, dịch vụ của các doanh nghiệp Việt Nam tại nước ngoài;

c) Cung cấp thông tin, tư vấn và hỗ trợ doanh nghiệp nước ngoài phát triển quan hệ thương mại với Việt Nam;

d) Tập hợp, cung cấp thông tin định kỳ và theo yêu cầu cho doanh nghiệp Việt Nam về tình hình thị trường, nhu cầu và thị hiếu thị trường đối với các sản phẩm thế mạnh của doanh nghiệp trong nước;

đ) Hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam tìm kiếm đối tác, xác minh tư cách pháp lý của đối tác, phát triển kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm xuất khẩu ở nước ngoài (bao gồm việc hỗ trợ doanh nghiệp trong nước thực hiện các nghĩa vụ pháp lý ở nước sở tại); tìm kiếm đối tác, xác minh thông tin, nâng cao hiệu quả của hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu; giải quyết và xử lý các tranh chấp thương mại quốc tế.

e) Cung cấp thông tin, phối hợp với Bộ Công Thương về các hoạt động xúc tiến thương mại tại nước ngoài.

2. Các tổ chức xúc tiến thương mại không do Chính phủ thành lập:

a) Các tổ chức xúc tiến thương mại của Việt Nam tại nước ngoài không thuộc Chính phủ có quyền tự do hoạt động xúc tiến thương mại theo quy định của pháp luật nước sở tại và pháp luật Việt Nam;

b)Các tổ chức xúc tiến thương mại của Việt Nam tại nước ngoài không thuộc Chính phủ thành lập sẽ được Nhà nước hỗ trợ các nội dung hoạt độnggồm: Cung cấp thông tin; tư vấn; tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện theo đúng quy định của Việt Nam trong việc thành lập;

c) Cung cấp thông tin cho Bộ Công Thương về việc thành lập, hoạt động để phối hợp, thực hiện hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại của Việt Nam tại nước ngoài.

**Chương 5**

**HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

**Mục 1**

**Nguyên tắc hoạt động tại Việt Nam của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài**

**Điều 21. Nguyên tắchoạt động tại Việt Nam**

1. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài (tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài và không phải là doanh nghiệp, công ty hoặc các hình thức tương tự doanh nghiệp, công ty) khi thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại tại Việt Nam phải thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.

2. Tổ chức xúc tiến thương mại có điều lệ, tôn chỉ mục đích hoạt động của Văn phòng đại diện phù hợp với luật pháp Việt Nam.

3. Cơ cấu tổ chức và người đứng đầu Văn phòng đại diện tại Việt Nam do tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tự xác định và phải được đăng ký với cơ quan cấp giấy phép.

4. Việc tuyển dụng và bổ nhiệm người nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

5. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài phải chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về toàn bộ hoạt động của Văn phòng đại diện của mình tại Việt Nam. Trong trường hợp thực hiện các hoạt động ngoài phạm vi được ủy quyền của Văn phòng đại diện, người đứng đầu văn phòng đại diện phải chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình và của Văn phòng đại diện theo pháp luật Việt Nam.

**Điều 22. Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài**

1. Văn phòng đại diện được thực hiện các hoạt động liên quan đến xúc tiến thương mại bao gồm:

a) Thực hiện chức năng văn phòng liên lạc;

b) Thực hiện các hoạt động nhằm thúc đẩy các hoạt động xúc tiến thương mại từ nước ngoài vào Việt Nam và ngược lại; hỗ trợ các doanh nghiệp của nước ngoài tiếp cận và hoạt động tại thị trường Việt Nam; nghiên cứu và cung cấp các thông tin kinh tế; thương mại, thị trường cho các tổ chức doanh nghiệp nước ngoài; thúc đẩy các hoạt động ngoại thương/thương mại qua biên giới với Việt Nam; các hoạt động nhằm kết nối giao thương giữa các doanh nghiệp nước ngoài và các doanh nghiệp tại Việt Nam;

c) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức có chức năng thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại của Việt Nam để thực hiện các hoạt động liên quan đến xúc tiến thương mại;

d) Các hoạt động xúc tiến thương mại khác theo quy định của pháp luật.

2. Văn phòng đại diện không được thực hiện các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi trực tiếp tại Việt Nam.

3.Văn phòng đại diện, người đứng đầu Văn phòng đại diện thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo các quy định sau:

a) Hoạt động theo đúng nội dung, phạm vi hoạt động đã quy định trong Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện;

b) Được thuê trụ sở và tuyển dụng người làm việc tại Văn phòng đại diện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam;

c) Đăng ký và sử dụng con dấu của Văn phòng đại diện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam;

d) Văn phòng đại diện không được thực hiện chức năng làm đại diện cho tổ chức xúc tiến thương mại khác, không được cho thuê lại trụ sở Văn phòng đại diện;

đ) Người đứng đầu Văn phòng đại diện không được kiêm nhiệm người đứng đầu Văn phòng đại diện của thương nhân, tổ chức nước ngoài khác tại Việt Nam;

e) Người nước ngoài làm việc tại Văn phòng đại diện phải có giấy phép lao động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**Mục 2**

**Thành lập, hoạt động văn phòng đại diện tại Việt Nam**

**Điều 23. Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện**

1. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến thương mại) để đề nghị cấp phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức.

2. Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan cấp giấy phép xem xét và cấp cho tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện và gửi bản sao Giấy phép tới Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Sở Công Thương, cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan công an cấp tỉnh nơi Văn phòng đại diện đặt trụ sở. Trường hợp không cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, cơ quan cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

3. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan cấp Giấy phép phải thông báo bằng văn bản để tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

4. Các thời hạn nêu tại khoản 2, khoản 3 Điều này không bao gồm thời gian tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện.

5. Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện có thời hạn 05 năm nhưng không vượt quá thời hạn còn lại của Giấy phép thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài trong trường hợp pháp luật của nước mà tổ chức đó thành lập có quy định thời hạn Giấy phép thành lập.

**Điều 24. Hồ sơ cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện**

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu quy định do đại diện có thẩm quyền của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài ký;

b) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền của nước ngoài cho phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam;

c) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài thành lập xác nhận;

d) Bản sao Điều lệ hoặc quy chế hoạt động của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài;

đ) Điều lệ hoặc quy chế hoạt động dự kiến của Văn phòng đại diện tại Việt Nam;

e) Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài trong 01 (một) năm gần nhất và dự kiến các hoạt động tại Việt Nam;

g) Lý lịch của người dự kiến làm người đứng đầu Văn phòng đại diện và văn bản bổ nhiệm làm người đứng đầu Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

2. Các loại tài liệu nêu tại điểm b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều này phải được dịch ra tiếng Việt và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật.

**Điều 25. Các trường hợp không cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện**

Cơ quan cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện không cấp Giấy phép cho tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài trong các trường hợp sau đây:

1. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài không đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Nghị định này.

2. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài đề nghị cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong thời gian 02 năm, kể từ ngày bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định này.

3. Có bằng chứng cho thấy việc thành lập Văn phòng đại diện gây phương hại đến quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục của Việt Nam và sức khỏe của nhân dân, làm hủy hoại tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường.

4. Hồ sơ không hợp lệ và không bổ sung đủ hồ sơ theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép.

5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện**

1. Trong những trường hợp sau đây, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi:

a) Thay đổi người đứng đầu của Văn phòng đại diện;

b) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài;

c) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện trong phạm vi một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

d) Thay đổi tên gọi hoặc hoạt động của Văn phòng đại diện đã được cấp phép.

2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, bao gồm:

a) Đơn đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu do đại diện có thẩm quyền của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài ký;

b) Bản sao (không cần công chứng) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, cơ quan cấp Giấy phép có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung Giấy phép và gửi bản sao Giấy phép đã được sửa đổi, bổ sung cho các cơ quan quy định tại Nghị định này.

**Điều 27. Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện**

1. Trong những trường hợp sau đây, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài phải gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đến cơ quan cấp giấy phép để làm thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi:

a) Thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác;

b) Thay đổi tên gọi hoặc thay đổi nơi đăng ký thành lập của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài từ một nước sang một nước khác;

c) Thay đổi hoạt động của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài.

2. Trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị rách hoặc bị tiêu hủy, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài phải làm thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện với cơ quan cấp giấy phép ngay sau khi phát sinh sự kiện.

**Điều 28. Hồ sơ cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện**

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong trường hợp quy định tại Nghị định này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu do đại diện có thẩm quyền của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài ký;

b) Bản sao (không cần công chứng) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong trường hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 47 Nghị định này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu do đại diện có thẩm quyền của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài ký;

b) Bản sao Giấy đăng ký thành lập hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài thành lập hoặc đăng ký kinh doanh xác nhận. Các giấy tờ quy định tại điểm này phải dịch ra tiếng Việt và được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Bản sao (không cần công chứng) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

3. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện trong trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 47 Nghị định này bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu do đại diện có thẩm quyền của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài ký;

b) Bản sao (không cần công chứng) Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

**Điều 29. Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện**

1. Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài được gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có nhu cầu tiếp tục hoạt động tại Việt Nam theo hình thức Văn phòng đại diện;

b) Tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài vẫn đang hoạt động theo pháp luật của nước nơi tổ chức xúc tiến thương mại đó thành lập;

c) Không có hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam liên quan đến hoạt động của Văn phòng đại diện.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện gồm:

a) Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo mẫu do đại diện có thẩm quyền của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài ký;

b) Báo cáo tài chính có kiểm toán hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương chứng minh sự tồn tại và hoạt động thực sự của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài trong năm tài chính gần nhất. Các giấy tờ quy định tại điểm này phải dịch ra tiếng Việt Nam và được cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận và thực hiện việc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Báo cáo hoạt động của Văn phòng đại diện tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện;

d) Bản gốc Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp.

3. Trong thời hạn ít nhất 30 ngày trước khi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện hết hạn, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài phải làm thủ tục gia hạn.

4. Thời hạn cơ quan cấp giấy phép làm thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thực hiện như thời hạn cấp mới Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại Nghị định này.

5. Ngay sau khi hết thời hạn quy định tại khoản 4 Điều này mà cơ quan cấp giấy phép không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện thì phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức xúc tiến thương mại về lý do không gia hạn Giấy phép.

6. Cơ quan cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan quy định tại Nghị định này về việc gia hạn hoặc không gia hạn Giấy phép.

7. Thời hạn gia hạn thực hiện như thời hạn Giấy phép của Văn phòng đại diện theo quy định tại Nghị định này.

**Điều 30. Thông báo hoạt động của Văn phòng đại diện**

1. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày được cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung, gia hạn Giấy phép thành lập, Văn phòng đại diện phải đăng báo viết hoặc báo điện tử được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp về những nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở của Văn phòng đại diện;

b) Tên, địa chỉ trụ sở của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài;

c) Người đứng đầu Văn phòng đại diện;

d) Số, ngày cấp, thời hạn của Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện, cơ quan cấp giấy phép;

đ) Nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện.

2. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Văn phòng đại diện phải chính thức hoạt động và thông báo cho cơ quan cấp giấy phép, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Công Thương nơi đặt trụ sở Văn phòng đại diện về việc mở cửa hoạt động tại trụ sở đã đăng ký.

**Điều 31. Mở tài khoản**

1. Văn phòng đại diện được mở tài khoản chuyên chi bằng ngoại tệ và tài khoản chuyên chi bằng đồng Việt Nam có gốc ngoại tệ tại Ngân hàng được phép hoạt động tại Việt Nam và chỉ được sử dụng tài khoản này vào hoạt động của Văn phòng đại diện.

2. Việc mở, sử dụng và đóng tài khoản của Văn phòng đại diện thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều . Báo cáo hoạt động

1. Định kỳ hàng năm, trước ngày làm việc cuối cùng của tháng 01 năm kế tiếp, Văn phòng đại diện phải gửi báo cáo bằng văn bản về hoạt động trong năm của mình tới cơ quan cấp giấy phép.

2. Văn phòng đại diện phải thực hiện chế độ báo cáo tài chính, chế độ báo cáo thống kê theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Trong trường hợp cần thiết theo quy định của pháp luật Việt Nam, Văn phòng đại diện có nghĩa vụ báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề có liên quan đến hoạt động của mình theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 3 Nghị định này.

**Điều 32. Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện**

1. Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài và được cơ quan cấp giấy phép chấp thuận;

b) Khi tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài chấm dứt hoạt động theo pháp luật của nước nơi tổ chức xúc tiến thương mại đó thành lập;

c) Hết thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài không đề nghị gia hạn;

d) Hết thời gian hoạt động theo Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện mà không được cơ quan cấp giấy phép chấp thuận gia hạn;

đ) Bị thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện theo quy định tại khoản 2 Điều 23 của Nghị định này.

2. Trong thời hạn ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài phải gửi thông báo về việc chấm dứt hoạt động đến cơ quan cấp giấy phép, các chủ nợ, người lao động trong Văn phòng đại diện, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích liên quan khác. Thông báo này phải nêu rõ thời điểm dự kiến chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện, phải niêm yết công khai tại trụ sở của Văn phòng đại diện và đăng báo viết hoặc báo điện tử được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định không gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện hoặc ngày quyết định thu hồi Giấy phép theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều này, cơ quan cấp giấy phép phải công bố trên báo viết hoặc báo điện tử được phép phát hành tại Việt Nam trong 03 số liên tiếp về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện và nêu rõ thời điểm chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài và Văn phòng đại diện hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 13 Nghị định này, cơ quan cấp giấy phép phải xóa tên Văn phòng đại diện trong Sổ đăng ký.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xóa tên Văn phòng đại diện, cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm thông báo về việc chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Công Thương, cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan công an cấp tỉnh nơi Văn phòng đại diện đặt trụ sở.

6. Ít nhất là 15 ngày trước khi Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều 12 Nghị định này, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài, Văn phòng đại diện có nghĩa vụ thanh toán xong các khoản nợ và các nghĩa vụ khác với nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

7. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị định này, tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài có nghĩa vụ thanh toán xong các khoản nợ và các nghĩa vụ khác với nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định của pháp luật.

**Chương 6**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 33. Trách nhiệm thi hành của các tổ chức liên quan**

1. Bộ Công Thương là cơ quan được Chính phủ giao trách nhiệm đầu mối điều phối các hoạt động xúc tiến thương mại tại Việt Nam và nước ngoài, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn, tổ chức thực hiện chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại:

i. Phổ biến định hướng phát triển xuất nhập khẩu theo chiến lược, quy hoạch và các Đề án phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

ii. Hướng dẫn xây dựng đề án xúc tiến thương mại theo quy định tại Nghị định này;

iii. Quy định tiêu chí đối với đề án xúc tiến thương mại phù hợp mục tiêu, yêu cầu của Chương trình;

iv. Đánh giá, thẩm định, phê duyệt đề án để tổng hợp vào Chương trình;

v. Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình;

vi. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại quốc gia: Xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí xúc tiến thương mại quốc gia, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công Thương trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật; phê duyệt Chương trình và kinh phí được hỗ trợ; ký hợp đồng với các Đơn vị chủ trì hoặc trực tiếp thực hiện các đề án thuộc Chương trình;

vii. Tổng hợp đánh giá kết quả, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan liên quan về tình hình thực hiện Chương trình;

viii. Thành lập và ban hành Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo Chương trình (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo), Hội đồng thẩm định Chương trình (sau đây gọi tắt là Hội đồng thẩm định) và Ban quản lý Chương trình để giúp Bộ Công Thương quản lý Chương trình.

1. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương hướng dẫn, tổ chức thực hiện chương trình cấp quốc gia về thương hiệu;

c)Rà soát, nghiên cứu và đề xuất kế hoạch hoạt động hàng năm cũng như chiến lược trong dài hạn về các hoạt động xúc tiến thương mại tại Việt Nam; đồng thời xây dựng, định hướng, đề xuất và trình lên Chính phủ nhằm ban hành những chính sách, quy định liên quan tới xúc tiến thương mại phát triển hoạt động ngoại thương.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương hướng dẫn việc lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán các khoản kinh phí xúc tiến thương mại quốc gia, THQG, THN ... theo quy định của pháp luật.

3.Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan trực thuộc các Bộ, ngành, địa phương và các đơn vị tư nhân có chức năng xúc tiến thương mại, với sự điều phối của Bộ Công Thương, tổ chức thực hiện các hoạt động xúc tiến thương mại tại Việt Nam.

**Điều 34. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2018.

2. Nghị định số 100/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2011 của Chính phủ quy định về thành lập và hoạt động văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam, Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày tháng năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thực hiện Chương trình Xúc tiến thương mại Quốc gia hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- Kiểm toán nhà nước;- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp;- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;- Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: VT, KTTH (3b).KN. | **TM. CHÍNH PHỦTHỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |